HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH TP.HCM

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC NĂM 2017

Ngành 52210234 - Diễn viên Kịch - Điện ảnh

STT	Ngành	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Đối tượng	Khu vực	Mã hồ sơ	Điểm Phân tích	Điểm Năng khiếu	Điểm Văn	Điểm tổng	Điểm tổng (Năng khiếu x2)	Trúng tuyển (TT)
1	52210234	00104	Phạm Quỳnh Anh	20-12-99	Nữ		3	406	07.00	09.00	07.40	23.40	32.40	TT
2	52210234	00121	Huỳnh Uyển Ân	15-02-99	Nữ		3	553	06.00	09.00	07.00	22.00	31.00	TT
3	52210234	00130	Trần Gia Bảo	09-05-98			3	670	06.00	09.50	05.90	21.40	30.90	TT
4	52210234	00147	Đào Văn Công	21-07-99			2NT	675	06.50	09.00	06.40	21.90	30.90	TT
5	52210234	00159	Phạm Thị Ngọc Diệp	17-10-99	Nữ		3	659	04.50	09.00	06.50	20.00	29.00	TT
6	52210234	00169	Trần Quốc Duy	25-12-99			2NT	433	04.50	09.50	07.30	21.30	30.80	TT
7	52210234	00182	Võ Thị Kỳ Duyên	18-10-99	Nữ		2	573	05.00	09.00	06.80	20.80	29.80	TT
8	52210234	00193	Nguyễn Quốc Đạt	09-09-99			3	277	04.00	09.50	07.30	20.80	30.30	TT
9	52210234	00196	Lương Anh Đạt	20-01-99			1	1027	04.50	09.50	06.60	20.60	30.10	TT
10	52210234	00200	Đặng Đình Hảo Đạt	21-05-98			2NT	758	04.00	09.50	05.90	19.40	28.90	TT
11	52210234	00202	Nguyễn Mậu Thành Đạt	20-12-98			2NT	420	07.00	09.50	07.60	24.10	33.60	TT
12	52210234	00230	Huỳnh Chí Hào	20-07-99			2NT	395	07.00	09.50	06.60	23.10	32.60	TT
13	52210234	00231	Trần Nhật Hào	16-12-98			1	634	06.00	09.50	05.70	21.20	30.70	TT
14	52210234	00245	Trần Trung Hậu	30-05-96			3	621	07.50	09.50	06.60	23.60	33.10	TT
15	52210234	00247	Thiều Công Hậu	08-06-97			3	438	08.00	09.50	07.30	24.80	34.30	TT
16	52210234	00259	Lê Trần Hồng Hiếu	15-12-99			1	399	07.50	09.50	08.10	25.10	34.60	TT
17	52210234	00287	Lê Công Nhật Hòa	21-09-99			3	612	07.50	09.50	06.70	23.70	33.20	TT
18	52210234	00298	Lã Hoàng Quang Huy	01-03-99			2NT	346	07.00	09.50	07.40	23.90	33.40	TT
19	52210234	00303	Trương Ngọc Huy	28-06-99			2	369	06.50	09.50	06.50	22.50	32.00	TT
20	52210234	00314	Đinh Văn Hùng	22-06-98			3	281	06.00	09.50	05.10	20.60	30.10	TT
21	52210234	00320	Lê Thị Hương	15-11-99	Nữ		2NT	873	07.50	09.00	06.70	23.20	32.20	TT
22	52210234	00325	Hồ Bảo Kha	20-07-99			2	808	07.50	09.50	08.00	25.00	34.50	TT
23	52210234	00344	Huỳnh Đăng Khoa	05-02-95			2NT	725	07.50	09.50	06.80	23.80	33.30	TT
24	52210234	00382	Vũ Phương Linh	21-11-98	Nữ		2	402	08.50	09.00	07.70	25.20	34.20	TT
25	52210234	00393	Nguyễn Thị Hồng Loan	12-01-98	Nữ		2	351	07.50	09.00	06.00	22.50	31.50	TT
26	52210234	00406	Huỳnh Ngọc Luân	24-02-94			3	429	07.00	09.50	06.70	23.20	32.70	TT
27	52210234	00417	Cao Minh Mẫn	24-03-96			2	559	05.50	09.50	05.60	20.60	30.10	TT
28	52210234	00421	Võ Ngọc Hạ Mi	22-11-99	Nữ		2	666	05.00	09.50	06.40	20.90	30.40	TT
29	52210234	00432	Lương Ánh My	05-09-99	Nữ		3	276	03.50	09.50	06.90	19.90	29.40	TT
30	52210234	00437	Dương Gia Mỹ	08-02-99	Nữ		2NT	265	08.00	09.00	08.70	25.70	34.70	TT
31	52210234	00451	Nguyễn Lê Ngọc Ngân	06-04-99	Nữ		2	418	05.00	09.00	08.30	22.30	31.30	TT
32	52210234	00455	Đoàn Thị Phương Ngân	22-08-98	Nữ		1	605	06.00	09.00	07.60	22.60	31.60	TT
33	52210234	00477	Nguyễn Thanh Thảo Nguyên	08-08-99	Nữ		1	722	07.00	09.00	07.40	23.40	32.40	TT
34	52210234	00501	Nguyễn Thị Hiền Nhi	25-01-99	Nữ		3	312	05.50	09.00	06.50	21.00	30.00	TT
35	52210234	00508	Nguyễn Thị Yến Nhi	09-02-98	Nữ		2NT	914	02.50	09.00	06.60	18.10	27.10	TT
36	52210234	00512	Nguyễn Lê Hồng Nhung	06-10-99	Nữ		3	340	07.50	09.00	08.10	24.60	33.60	TT
37	52210234	00518	Nguyễn Thị Khánh Như	21-08-99	Nữ		3	377	08.00	09.00	07.00	24.00	33.00	TT
38	52210234	00526	Nguyễn Huỳnh Nhựt	26-03-97			3	671	04.50	09.50	06.50	20.50	30.00	TT

39	52210234	00545	Mai Thanh Phong	14-02-99			3	578	07.00	09.00	08.50	24.50	33.50	TT
40	52210234	00568	Huỳnh Thị Kiều Phương	12-01-97	Nữ		2NT	490	02.50	09.00	06.30	17.80	26.80	TT
41	52210234	00571	Nguyễn Thị Lam Phượng	28-11-99	Nữ		2NT	291	03.00	09.00	06.20	18.20	27.20	TT
42	52210234	00593	Lê Nguyễn Bảo Quỳnh	26-04-97	Nữ		1	488	04.50	09.00	05.80	19.30	28.30	TT
43	52210234	00626	Kiều Minh Tân	10-01-99			2NT	368	03.00	09.50	06.80	19.30	28.80	TT
44	52210234	00639	Trương Tấn Thành	17-11-99			3	641	04.00	09.50	06.60	20.10	29.60	TT
45	52210234	00653	Phạm Ngọc Thạch	29-05-99			1	458	05.50	09.50	05.40	20.40	29.90	TT
46	52210234	00660	Tăng Trọng Thắng	12-05-98			3	710	06.00	09.50	05.90	21.40	30.90	TT
47	52210234	00669	Nguyễn Hưng Thịnh	12-01-94			3	289	08.00	09.50	05.50	23.00	32.50	TT
48	52210234	00691	Đỗ Phạm Minh Thùy	29-05-99	Nữ		3	330	07.50	09.00	08.70	25.20	34.20	TT
49	52210234	00695	Nguyễn Thị Thanh Thủy	10-11-99	Nữ		2NT	690	07.00	09.00	07.60	23.60	32.60	TT
50	52210234	00706	Nguyễn Thị Thanh Thư	10-04-99	Nữ		1	426	07.00	09.00	06.70	22.70	31.70	TT
51	52210234	00718	Trì Thị Mỹ Tiên	09-08-99	Nữ		3	549	06.50	09.00	07.70	23.20	32.20	TT
52	52210234	00724	Bùi Đức Tiến	12-04-98			3	510	07.00	09.50	05.30	21.80	31.30	TT
53	52210234	00729	Trần Thế Toàn	23-03-99			2NT	639	07.00	09.50	05.40	21.90	31.40	TT
54	52210234	00736	Đỗ Thị Thảo Trang	21-04-97	Nữ		1	536	06.50	09.00	06.20	21.70	30.70	TT
55	52210234	00737	Cao Thùy Trang	03-03-99	Nữ		3	432	06.50	09.00	07.10	22.60	31.60	TT
56	52210234	00767	Lại Lê Nhật Uyên Trinh	17-06-99	Nữ		2	574	04.50	09.00	06.00	19.50	28.50	TT
57	52210234	00768	Bùi Lê Đoan Trinh	24-06-99	Nữ		3	709	04.00	09.00	06.50	19.50	28.50	TT
58	52210234	00780	Dương Thành Trung	22-05-98			3	706	04.00	09.50	05.50	19.00	28.50	TT
59	52210234	00781	Phạm Minh Trung	30-01-99			3	624	03.50	09.50	07.20	20.20	29.70	TT
60	52210234	00791	Phạm Nguyễn Nhật Trường	16-07-99			2	270	03.50	09.50	08.00	21.00	30.50	TT
61	52210234	00813	Nguyễn Ngọc Tú	17-07-99			2NT	405	03.50	09.50	07.10	20.10	29.60	TT
62	52210234	00817	Nguyễn Thanh Tùng	03-01-99			2NT	403	04.00	09.50	06.40	19.90	29.40	TT
63	52210234	00824	Hồ Thục Uyên	20-01-99	Nữ		2	882	07.00	09.00	06.50	22.50	31.50	TT
64	52210234	00832	Huỳnh Quang Văn	08-06-98			2NT	972	05.00	09.50	05.30	19.80	29.30	TT
65	52210234	00840	Mai Bảo Vinh	10-07-98			2	582	08.00	09.50	06.70	24.20	33.70	TT
66	52210234	00853	Đoàn Thúy Vy	15-10-98	Nữ		3	683	08.00	09.00	08.10	25.10	34.10	TT

Cộng ngành 52210234: 66 thí sinh